CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Sản xuất và kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI

Ngày 31/12/2024	13,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	39.4%	**39.4%**	**39.4%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,900 - 13,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17
Số lượng CPLH (CP)	1,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	579
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.14)
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2024
1.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

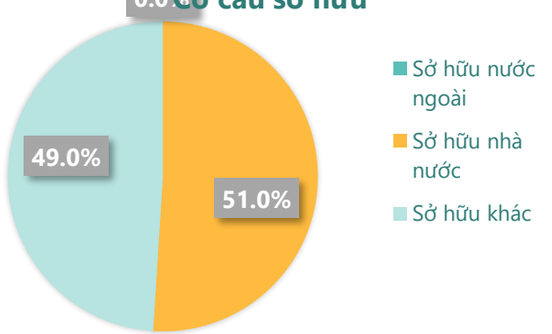
ROE
2024
14.9%
YoY: +/-▲ 0.7%

DT thuần
2024
353
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0| 6.0%

LN thuần
2024
3.83
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.29| 8.0%

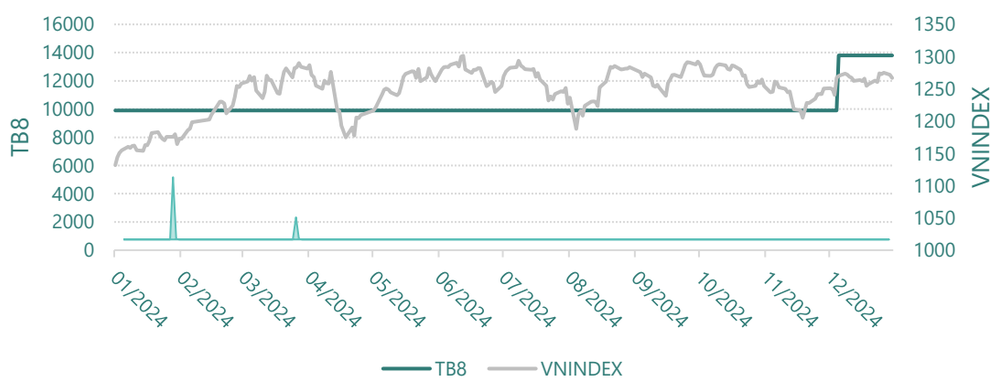
LN sau thuế
2024
3.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.19| 6.9%

Cơ cấu sở hữu

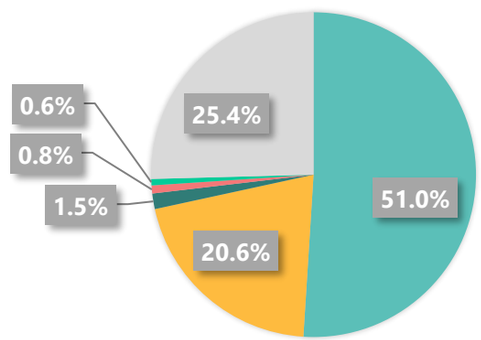


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

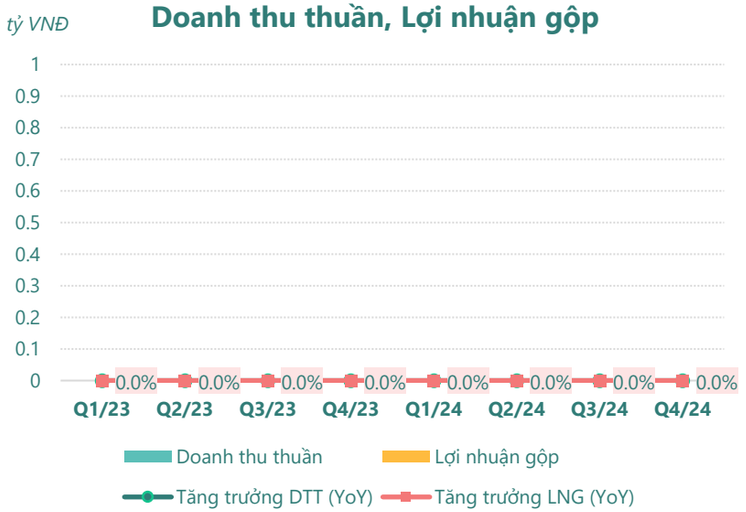


- Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
- Phạm Đức Khiêm (Thành viên HĐQT)
- Phạm Khánh Linh
- Tô Toàn Thắng (Thành viên Ban kiểm soát)
- Bùi Phương Anh (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

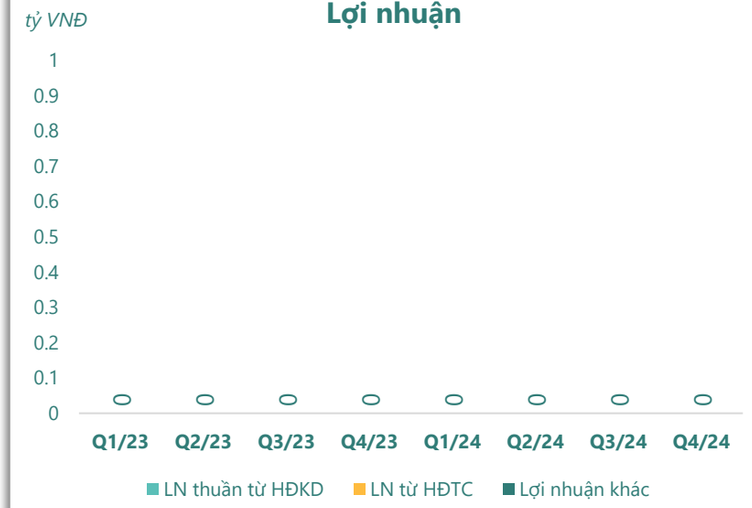
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



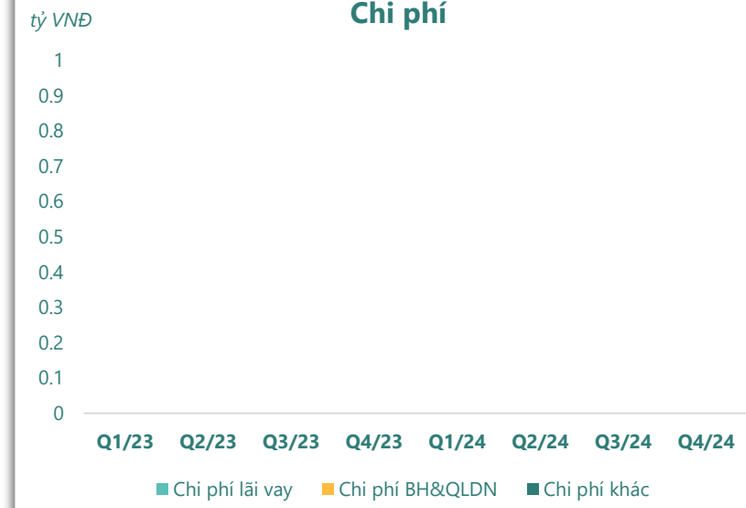
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



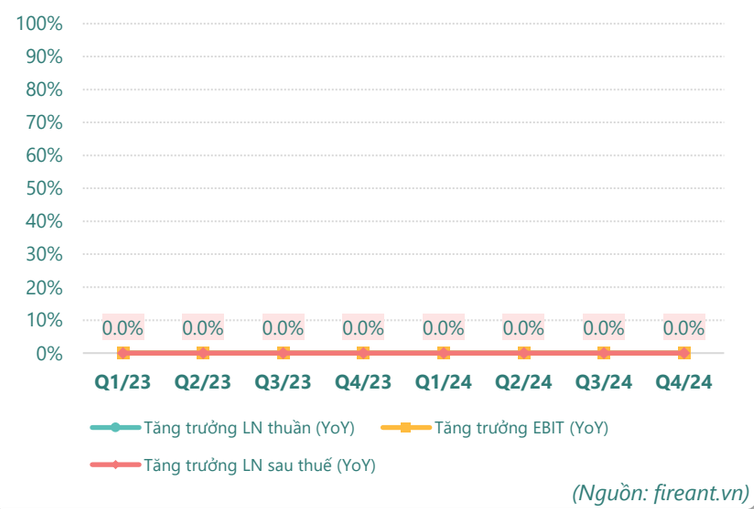
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



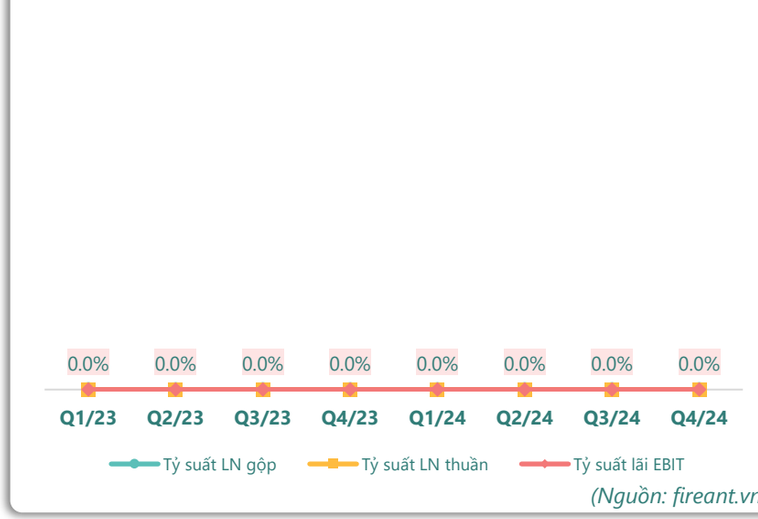
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



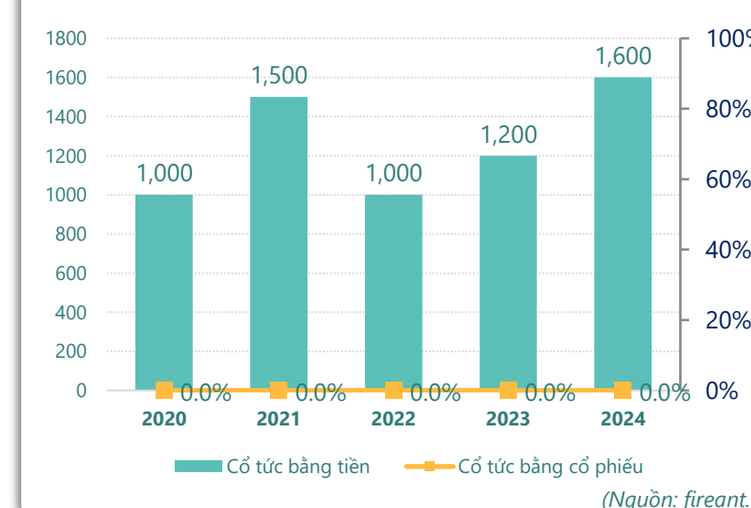
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

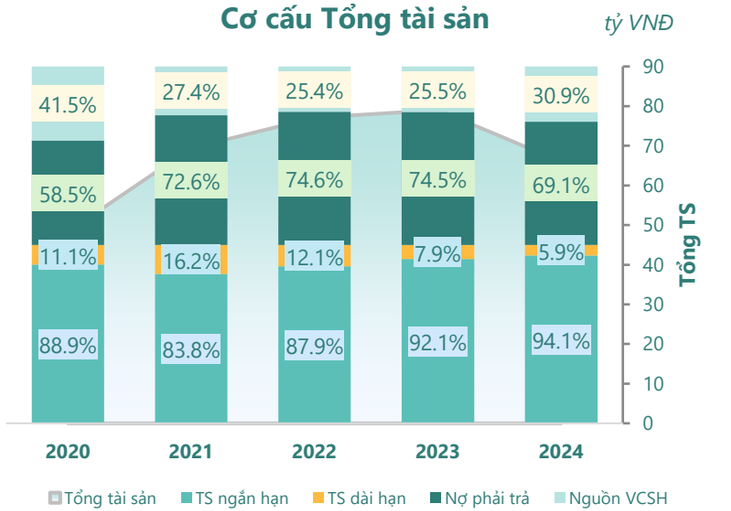
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

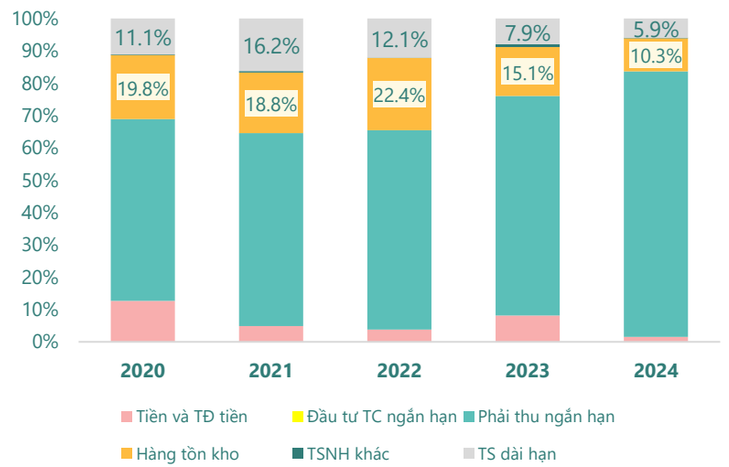
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



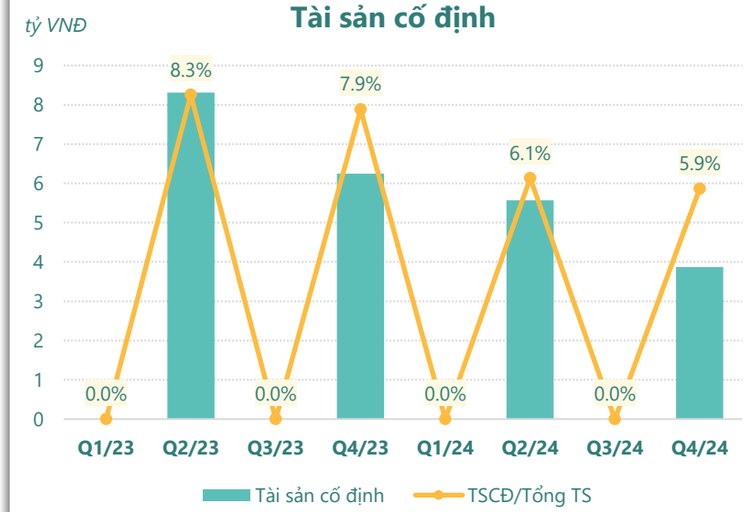
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



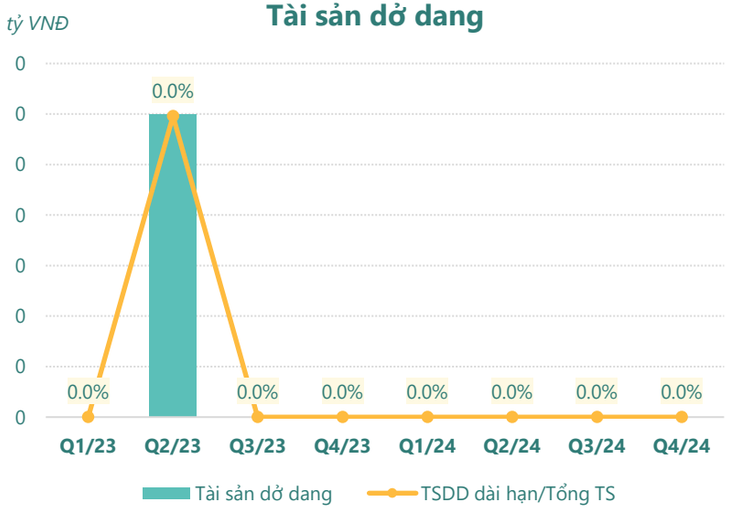
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



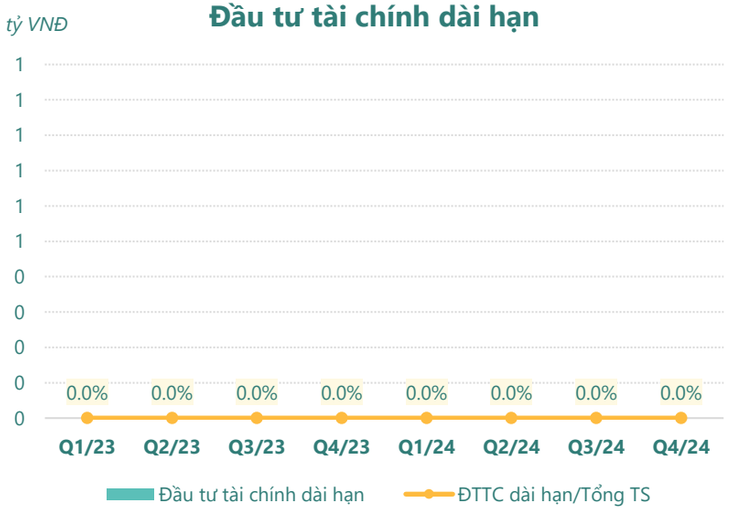
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



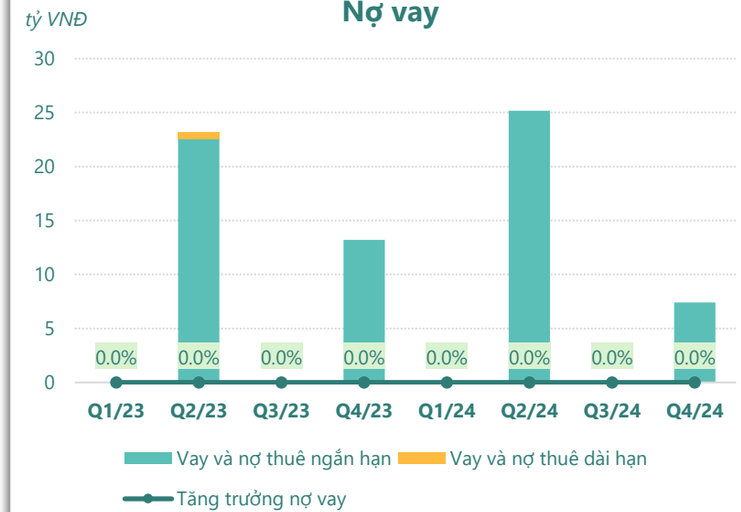
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

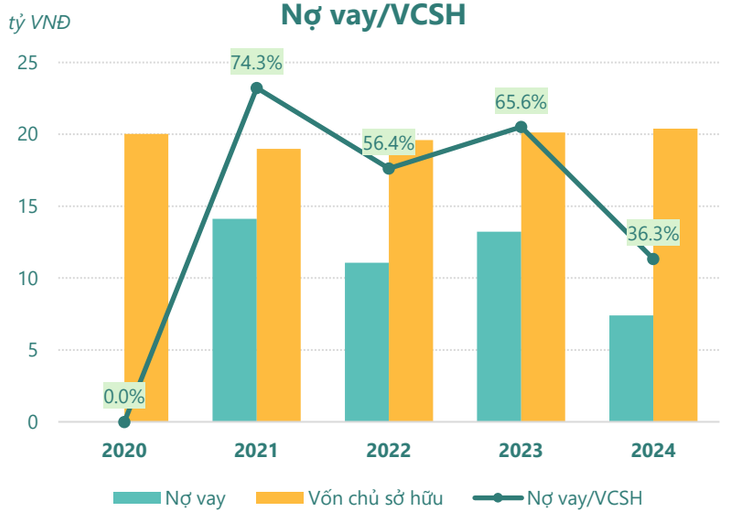
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

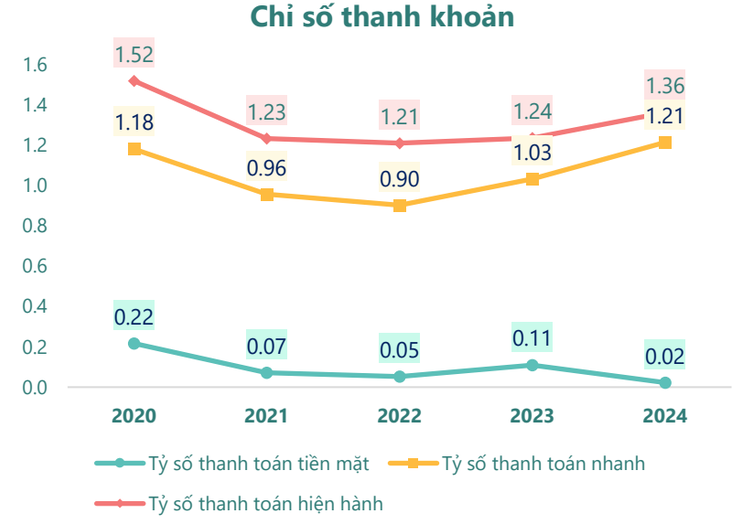
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



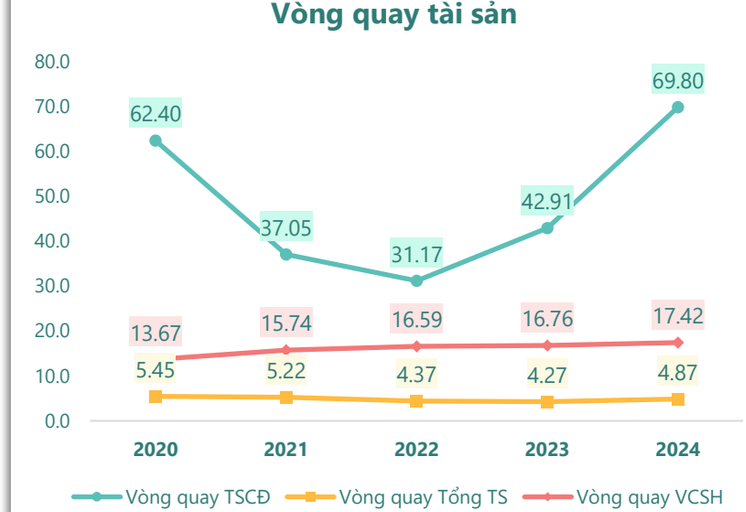
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



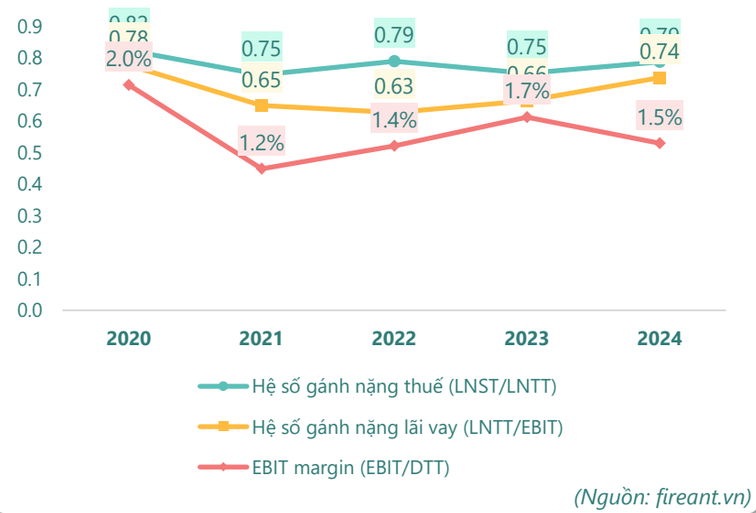
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



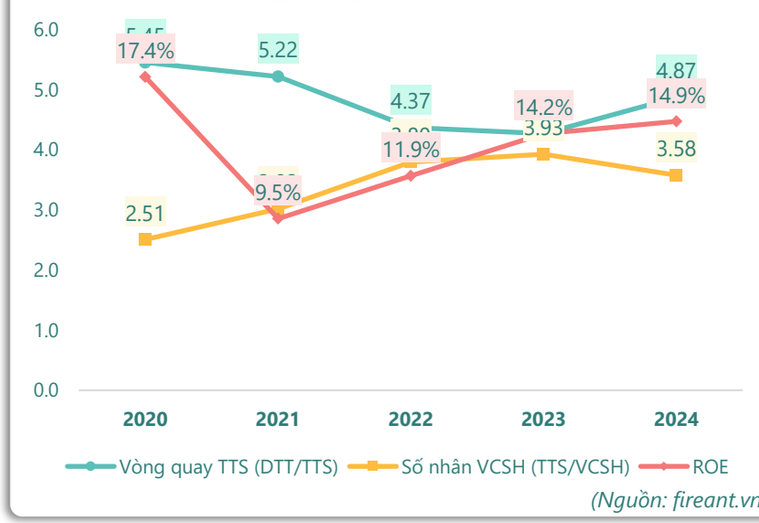
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



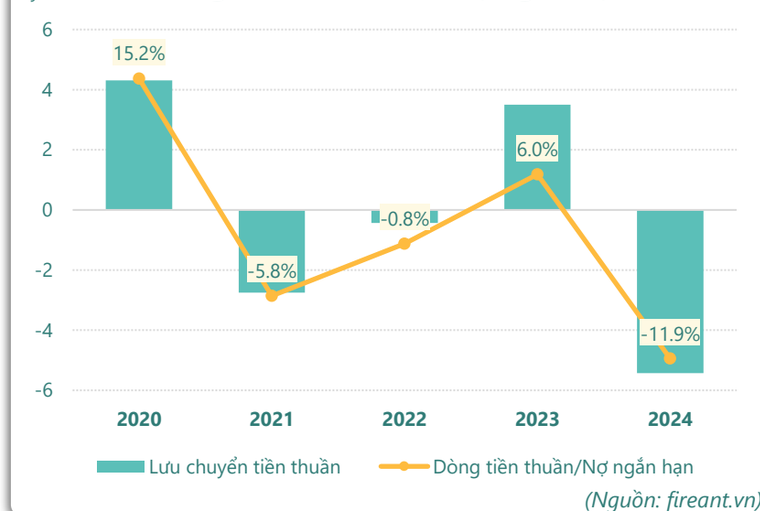
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**353**	**333**	**6.0%**
Giá vốn hàng bán				324	303	6.9%
Lợi nhuận gộp				29.0	29.9	-2.9%
Doanh thu HĐTC				0.00	0.00	0.6%
Chi phí TC				1.36	1.90	-28.3%
Chi phí lãi vay				1.36	1.90	-28.3%
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				11.5	12.8	-10.8%
Chi phí QLDN				**12.4**	**11.6**	**6.7%**
LN thuần từ HĐKD				3.83	3.54	8.0%
Lợi nhuận khác				**0.01**	**0.22**	**-96.5%**
LN trước thuế				3.83	3.76	1.9%
Lợi nhuận sau thuế				**3.02**	**2.83**	**6.9%**
LNST của CĐ cty mẹ				**3.02**	**2.83**	**6.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**66.0**	**79.0**	**-16.5%**
Tài sản ngắn hạn	62.1	72.7	-14.7%
Tiền và tương đương tiền	1.03	6.46	-84.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	54.1	53.6	1.0%
Hàng tồn kho	6.77	11.9	-43.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.71	-83.8%
Tài sản dài hạn	**3.90**	**6.27**	**-37.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.87	6.25	-38.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.03**	**0.02**	**81.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.6	58.9	-22.6%
Nợ ngắn hạn	**45.6**	**58.9**	**-22.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.40	13.2	-44.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.2	31.4	-22.9%
Nợ dài hạn	0.01	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**20.4**	**20.1**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**20.4**	**20.1**	**1.3%**
Vốn điều lệ	12.5	12.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)